

Tư tưởng tâm công của Nguyễn Trãi: nội dung và giá trị lịch sử

Lê Công Sự*, Nguyễn Thị Thọ**

Nhận ngày 3 tháng 11 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 9 tháng 12 năm 2021.

Tóm tắt: Bài viết này¹ khắc họa nghệ thuật tâm công mà Nguyễn Trãi đã cùng chủ tướng Lê Lợi vận dụng trong mười năm kháng chiến chống quân Minh, giúp cho nghĩa quân giành thắng lợi, ít hao binh tổn tướng. Bằng lời nói và ngòi bút thông qua con đường ngoại giao mềm dẻo, Nguyễn Trãi đã thuyết phục được nhiều tướng giặc cũng như nguy binh kéo cờ trắng xin hàng, đem lại hòa bình cho đất nước Đại Việt. Tư tưởng tâm công của Nguyễn Trãi là bài học lịch sử quý báu cho các chính khách thời đại sau khi phải đối đầu với giặc ngoại xâm. Hiện nay, tư tưởng đó vẫn còn tạo nên hiệu ứng lớn trong sự nghiệp bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Từ khóa: Lịch sử, Nguyễn Trãi, tâm công.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: This article depicts the art of mind persuasion, which Nguyễn Trãi and his leader Lê Lợi used during the ten-year resistance war against the Ming army, helped the insurgents win at the cost of less troop casualties. Using his speeches and documents through flexible diplomacy, Nguyễn Trãi persuaded many enemy generals and troops to raise white flags for surrender, bringing peace to Đại Việt country. Nguyễn Trãi philosophy of mind persuasion is a great historical lesson for politicians of the later eras when they have to deal with foreign invaders. Today, that philosophy still makes a great impact in the cause of defending national independence.

Keyword: History, Nguyễn Trãi, mind persuasion.

Subject classification: Philosophy

* Trường Đại học Hà Nội.

Email: sulv@hanu.edu.vn

** Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Email: thodhsp@gmail.com

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 603.03 - 2019.300.

1. Mở đầu

Trong lịch sử đấu tranh bảo vệ biên cương của đất nước mấy nghìn năm qua, nghệ thuật quân sự hay đường lối chiến tranh nhân dân luôn là một chủ đề trở thành tâm điểm chú ý của dư luận, vì nó quyết định sự thành bại của mọi cuộc chiến tranh cũng như thiệt hại vật chất, mất còn về con người và của cải cho cả đôi bên tham chiến. Một trong những nghệ thuật quân sự mà cha ông ta thường vận dụng là “tâm công” - nghệ thuật này đạt đến đỉnh cao trong tư tưởng của Nguyễn Trãi (1380 - 1442), khi ông cùng chủ tướng Lê Lợi vận dụng vào khởi nghĩa Lam Sơn, đem lại thắng lợi vẻ vang, ít hao binh tổn tướng mà vẫn giữ được tình hòa hảo lâu dài giữa Triều Minh và Đại Việt suốt mấy thế kỷ sau đó. Vậy, tâm công trong tư tưởng Nguyễn Trãi thể hiện như thế nào? Ý nghĩa lịch sử và giá trị hiện thời của tư tưởng đó ra sao? Bài viết sẽ góp phần trả lời những câu hỏi đó.

2. Tư tưởng tâm công của Nguyễn Trãi

Tâm công là một từ Hán Việt, nghĩa gốc là “đánh vào lòng người”, nghĩa phụ là “cảm hóa lòng người bằng nhân cách, lời nói” (Mai Xuân Hải, 1998, tr.102). Việc nhận thức và vận dụng nghệ thuật tâm công trong chiến tranh đã có từ thời cổ đại.

Theo nghĩa rộng, “tâm công” là phạm trù phản ánh phương pháp tấn công vào tâm lý đối phương hoặc tranh thủ sự ủng hộ, đóng góp của nhân dân trong chiến tranh cũng như trong công cuộc xây dựng đất nước. Quan niệm hiện đại gọi nghệ thuật quân sự này là “chiến tranh tâm lý” hoặc cách thức sử dụng “quyền lực mềm”² nhằm kết thúc chiến tranh trong tình trạng đàm phán hòa bình, không tiếng súng.

Theo nghĩa hẹp, “tâm công” là đánh thẳng, đánh trực diện vào lòng người, tức không “vòng vo tam quốc”, “không nói bóng nói gió, không dùng nhiều thủ thuật, mưu mẹo” để đạt mục đích của mình. “Lòng người” ở đây chính là tâm lý đối phương, đối tác trong chiến tranh, tức là “lực lượng cần tấn công”. Vũ khí tấn công ở đây không phải bằng súng đạn, lực lượng vũ trang mà bằng nhân cách, lời nói, thư từ, đàm phán, lời kêu gọi dựa trên những lập luận logic chính nghĩa.

Nghệ thuật “tâm công” có thể được bắt đầu từ tư tưởng của Lão Tử ghi trong sách *Đạo đức kinh*. Tư tưởng chủ đạo của tác phẩm là thuyết “vô vi nhi trị” - không làm gì mà cai quản hay “trị” được người; Từ đó, ông triển khai quan niệm “nhu thắng cương”, tức mềm thắng cứng, “bất tranh nhi thiên thắng” - không tranh giành mà thắng cuộc (Lão Tử, 1998, tr.359).

² Chúng tôi mượn khái niệm “quyền lực mềm” (soft power) của nhà chính trị học người Mỹ - Joseph Samuel Nye (sinh năm 1937) - Giáo sư Đại học Harvard, người nghiên cứu chuyên sâu về những vấn đề quan hệ quốc tế và có ảnh hưởng lớn đến các chính khách Mỹ thời hiện đại. Theo ông, quyền lực mềm được hiểu một cách bao quát là quyền lực thực hiện thông qua sự hấp dẫn và thuyết phục gây ảnh hưởng bằng hệ giá trị (nhân cách, văn hóa, sự thành đạt) làm thay đổi cách suy nghĩ và hành động của đối phương. Trong thực tế, quyền lực mềm được dùng với nghĩa đối lập với “quyền lực cứng” (hard power), tức quyền lực được thực hiện chủ yếu bằng đe dọa, mua chuộc và các thủ đoạn sử dụng bạo lực vũ trang, khủng bố, chiến tranh, phá hoại, gây tổn thất lớn về người và của.

Ông đem ra ví dụ minh họa điển hình là nước; tuy mềm yếu nhất, luôn chịu ở chỗ ẩm thấp, nằm dưới muôn vật, nhưng nước lại có sức tàn phá lớn, thắng muôn vật (nhất thủy nhì hỏa). Vì tính mềm và chịu ở dưới muôn vật mà nước có thể len lỏi khắp mọi nơi, thấm thấu, xuyên qua, bào mòn, làm hư hỏng, sập đổ những vật được cho là cứng nhất (nước chảy đá mòn). Nước cũng là yếu tố tẩy sạch mọi sự dơ bẩn (không gì sạch bằng nước). Lấy ví dụ về sức mạnh vượt trội của nước mà suy thì mới thấy câu ngạn ngữ “lạt mềm buộc chặt” trong văn hóa dân gian Việt Nam quả là đúng và lại càng đúng hơn đối với câu “nói ngọt, lọt tận xương” trong quan hệ xã hội và giao tiếp bằng ngôn ngữ (Lê Công Sự, 2013, tr.54).

Về cội nguồn lịch sử của chiến lược tâm công, trong sách *Nguyễn Trãi - Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa*, tác giả Nguyễn Minh Tường cho rằng, về thực tế nghệ thuật tâm công có từ thời Tam Quốc, được ghi chép trong bộ sử *Tam quốc chí* do Trần Thọ viết, về sau học giả Bùi Tùng Chi đã mượn câu: “Dụng binh chi đạo, công tâm vi thượng, công thành vi hạ; tâm chiến vi thượng, binh chiến vi hạ” trong truyện *Tương Dương ký* để chú thích cho bộ sách đó (Nguyễn Minh Tường, 2003, tr.54).

Tư tưởng tâm công của Nguyễn Trãi gồm các nội dung chủ yếu như sau:

Thứ nhất, tâm công là sử dụng “quyền lực mềm” đánh vào tâm lý đối phương. Trong *Bình Ngô đại cáo*, Nguyễn Trãi đã tuyên bố nghệ thuật quân sự mà ông vận dụng trong mười năm khởi nghĩa chủ yếu là chiến lược tâm công: “Giặc cùng đường kiệt sức, chờ chết bó tay/ Ta mưu đánh vào lòng, không chiến mà cũng thắng” (Viện Sử học, 1976, tr.80). Theo nghiên cứu của Hà Thành, “nghệ thuật “tâm công” là một đặc sắc trong tư tưởng quân sự của Nguyễn Trãi và được thể hiện rõ nét trên những nội dung cơ bản: Coi trọng đánh vào tinh thần, tư tưởng quân địch, làm suy sụp ý chí chiến đấu của chúng, thực hiện “không đánh mà thắng”. Tích cực kêu gọi nguy quân, nguy quyền quay về với chính nghĩa - “mũi tiến công” quan trọng, góp phần làm suy yếu nhanh chóng chế độ đô hộ của nhà Minh. Mở lượng khoan hồng đối với quân địch thất bại, giữ tình hòa hiếu lâu dài giữa hai bên” (Hà Thành, 2017, tr.1-2).

Vận dụng nghệ thuật “tâm công” vào mười năm kháng chiến chống quân Minh, quân sư Nguyễn Trãi đã nhiều lần thay mặt chủ tướng Lê Lợi gửi thư “dụ hàng” các tướng giặc, những bức thư đó về sau tập hợp lại thành sách *Quân trung từ mệnh tập*, trong đó “có tất cả 42 bài, vừa là thư từ viết cho tướng lĩnh quân Minh hoặc cho nguy quân, vừa là biểu cầu phong hoặc bài dụ gửi tướng sĩ ta ở Thanh Hóa, Nghệ An để khen thưởng vì có công đánh giặc” (Viện Sử học 1976, tr.99). Trong nhiều bức thư gửi các tướng giặc Minh như: Phương Chính, Vương Thông, Đả Trung, Lương Nhữ Hốt, Liễu Thăng, Lương Minh, Hoàng Phúc cũng như thư dụ hàng các tướng sĩ trong các thành: Xương Giang, Tam Giang, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An... bằng những lời lẽ mềm mỏng, thấu tình đạt lý, dựa trên lý luận của thuyết tam tài (thiên thời, địa lợi, nhân hòa), ông phân tích tình hình thế sự của đôi bên, so sánh lực lượng, thời thế (khí hậu, dịch bệnh, lương thực) để đi đến kết luận, nếu tiếp tục cuộc chiến thì rốt cuộc quân Minh sẽ thua trận. Do vậy, “thượng sách” là nên dừng lại cho đôi bên đỡ thiệt hại về người và của cũng như giữ được tình hòa hảo muôn đời Trung - Việt.

Trong “Thư dụ hàng thành Bắc Giang”, Nguyễn Trãi cho rằng, khởi nghĩa Lam Sơn là việc làm chính nghĩa của người Việt: “Ta nghe nói: Người có Bắc Nam, đạo không kia khác. Nhân nhân quân tử, không đâu là không có. Nước An Nam ta tuy xa ở ngoài Ngũ lĩnh mà tiếng là nước thi thư, những bậc trí mưu tài thức đời nào cũng có. Vì thế phàm những việc ta làm đều là đúng theo lẽ nghĩa, hợp trời thuận người” (Viện Sử học, 1976, tr.127). Phân tích nội tình Nhà Minh đương thời, Nguyễn Trãi đưa ra những lời cảnh báo chân tình: “Ta xem ở nước các người, hiện nay bên trong có họa tiêu tường, bên ngoài có giặc Bắc biên, mà đại thần lẩn vị, người dưới chuyên quyền; hạn hán hoàng trùng, luôn năm tai họa, bốn phương đạo tặc, nổi dậy như ong”. Do vậy tốt nhất là “các người nếu biết kéo quân ra thành, cùng ta hòa hảo thân tình, thì ta coi các người nghĩa như anh em ruột thịt... Nếu không trong khoảng sớm tối, sẽ khắc thấy nhau” (Viện Sử học, 1976, tr.128). Sử cũ ghi rằng, sau khi nhận thư này, tướng giữ thành Bắc Giang (Thị Cầu) là Đường Bảo Trinh kéo cờ trắng ra hàng nghĩa quân Lam Sơn (Viện Sử học, 1976, tr.509).

Đieu Diêu là một trong những thành trì bảo vệ Đông Quan. Ở trong thành, ngoài quân Minh còn có một số thổ quan hay nguy binh. Để tranh thủ lực lượng này Nguyễn Trãi viết “Thư dụ thổ quan thành Đieu Diêu” với những lời lẽ thật thấu tình đạt lý làm xao động ngay cả lòng người ngoài cuộc: “Người xưa có nói: Quay đi lại về quê cũ, cáo chết quay đầu về núi. Cầm thú còn thế, huống chi là người? Các người vốn đều là dân Tày Việt dòng dõi văn minh... Bọn các người nếu biết rửa lòng đổi dạ, bỏ nghịch theo thuận, hoặc ở làm nội ứng, hoặc ra đề đầu hàng, thì không những rửa mối hổ thẹn ngày trước, mà cũng được phần soi xét về sau. Ta không nói lời rồi lại ăn lời. Nếu các người lại còn tiếc tham nguy chức, chống cự vương sư, thì khi hãm thành, tội ác các người tất nặng hơn giặc Ngô đấy” (Viện Sử học, 1976, tr.126). Theo sử chép, sau khi nhận được thư, tháng giêng năm Đinh Mùi (1427), quân địch ở thành do tướng Minh là Trương Lân cùng tri phủ Trần Văn dẫn đầu ra hàng nghĩa quân Lam Sơn. Nói về tính hiệu quả chiến thuật “tâm công” của Nguyễn Trãi, Hà Thành viết: “Đóng góp to lớn của Nguyễn Trãi đối với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là đã giúp Lê Lợi xây dựng và thực hiện một đường lối đấu tranh tổng hợp, toàn diện, trên các mặt: đánh bằng quân sự, đánh bằng sức mạnh của quần chúng nổi dậy, thu đất giành dân, phá chính quyền địch, lập chính quyền ta và đặc biệt là “đánh vào lòng quân địch” (Hà Thành, 2017, tr.1). Lòng kiên trì, nhẫn nại trong nghệ thuật tâm công của Nguyễn Trãi đã được đền đáp, cuối cùng các chủ tướng quân Minh đành phải ngậm đắng, nuốt cay kéo cờ trắng đầu hàng nghĩa quân Lam Sơn. “Hội thề Đông quan” với hiệp ước chấm dứt chiến tranh, giữ tình “hữu hảo” giữa hai quốc gia láng giềng Trung - Việt là minh chứng cho sự thành công của nghệ thuật tâm công.

Thứ hai, khoan dung là cơ sở thực thi tâm công, tạo dựng tinh thần đoàn kết. Thuật ngữ “khoan dung” có nguồn gốc từ tiếng latin “tolerantia” với nghĩa là sự chấp nhận, dung nạp và tha thứ. Ở phương Tây, khoan dung được sử dụng với nghĩa chung là sự chịu đựng, tha thứ. Còn ở phương Đông, khoan dung có thể lần đầu xuất hiện trong “Kinh Thu”, với nghĩa “khoan” là khoan thứ, khoan hồng, rộng lượng; “dung” là bao dung, chấp nhận quan niệm sống và lối sống khác biệt.

Nhà nghiên cứu văn hóa Phan Ngọc trong công trình *Bản sắc văn hóa Việt Nam* nói về cơ sở thực tiễn của khoan dung khá dễ hiểu: “Khi ra đời, con người đã bị quy định về chủng tộc, đất nước, và tâm thức. Phải nhận thức tính chất bị quy định này, để thừa nhận tính chất bị quy định của người khác mà cùng sống trong sự khoan hòa” (Phan Ngọc, 2002, tr.210). Theo quan niệm này thì sự khác biệt về văn hóa, chính kiến, lối sống là điều vốn dĩ không thể tránh khỏi giữa các dân tộc, quốc gia, do vậy cần phải thẳng thắn, khách quan thừa nhận, để từ đó có thái độ chấp nhận sự khác biệt, khoan dung - hòa thuận hướng tới mục đích cùng tồn tại trong sự thống nhất và đa dạng văn hóa cũng như gìn giữ hòa bình.

Trần Nguyên Việt nhìn nhận chiến lược tâm công của Nguyễn Trãi từ góc độ khoan dung vì mục đích nhân văn: “Nếu như nội dung căn bản của khoan dung trong tư tưởng Khổng Tử là trung thứ, thì ở Nguyễn Trãi, đạo lý nhân nghĩa đóng vai trò chủ đạo trong việc trừ bạo, an dân... Nghệ thuật tâm công được vận dụng một cách linh hoạt cho từng hoàn cảnh cụ thể, cho từng đối tượng của kẻ thù. Nó thể hiện mục đích nhân văn cao cả, trong đó tư tưởng khoan dung là cốt lõi nhằm làm cho “bốn phương biên cả thanh bình” (Trần Nguyên Việt, 2012, tr.39).

Quan niệm về khoan dung và đoàn kết của Nguyễn Trãi chịu ảnh hưởng nhiều luồng văn hóa, trong đó Nho, Phật, Lão là nền tảng, còn bản sắc dân tộc Việt là xu hướng chủ đạo. Theo Nguyễn Trãi, khoan dung, độ lượng, lấy ơn báo oán, tha tội chết cho những kẻ lầm lỗi lạc đường là một trong những điểm mạnh của chiến lược “tâm công”, tức đánh thẳng vào lòng người bằng nhân cách và sự chân thật của lòng mình. Bởi vậy, khi giặc Minh thua trận, ông đã mở đường cứu sinh, cung cấp lương thảo đủ ăn cho họ trở về quê làm ăn, sinh sống. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Nguyễn Trãi đã lấy đức từ bi diệt hận thù, lấy ơn trả oán, sẵn sàng cấp lương thảo, thuyền bè, ngựa xe cho những kẻ gây tội ác về nước, mở đường hiếu sinh cho kẻ thù cũng là mở ra phương trời của nền thái bình bền vững” (Viện Sử học, 2013, tr.514). Việc làm này đã tạo dấu ấn lịch sử, tác động lớn đến tâm lý những người thất trận đối với lòng tốt của những người thắng trận, trở thành đạo lý truyền thống “lấy ơn trả oán” trong những cuộc chiến tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam sau này.

Theo Nguyễn Trãi, khiêm nhường là một đức tính cao thượng về lối sống, đẹp về phong cách giao tiếp và trên hết là đưa lại sự đoàn kết, đẹp lòng đôi bên. Bình luận về khả năng nhận thức sức mạnh của tinh thần đoàn kết trong triết lý của Nguyễn Trãi, các tác giả công trình *Góp phần tìm hiểu tư tưởng triết học Nguyễn Trãi* cho rằng, “Nguyễn Trãi vĩ đại không chỉ ở tình cảm sâu sắc của ông đối với nhân dân, mà còn ở chỗ ông nhận thức được sức mạnh đoàn kết to lớn của chính nhân dân. Kế thừa quan điểm của Lão Tử, ông ví sức mạnh nhân dân như sức của nước. “Phúc chu thủy, tin dân do thủy” (Viện sử học, 1976, tr.60) - nước có thể đẩy thuyền đi, nhưng cũng có thể lật ngay con thuyền ấy. Do nhận thức vấn đề một cách sâu sắc, thấu đáo như vậy cho nên ông luôn tâm niệm: “Đồng bào cốt nhục nghĩa càng bền/ Cành bắc cành nam một cội nên” (Viện Sử học, 1976, tr.442). Khoan dung hướng tới lấy mục đích đoàn kết làm đầu, còn đoàn kết xuất phát từ cội nguồn chung của dân tộc để tạo nên sức mạnh bảo vệ và xây dựng đất nước.

Những phân tích trên cho thấy, “tư tưởng khoan dung của Nguyễn Trãi thấm nhuần đạo đức nhân nghĩa Nho giáo, nhờ đó ở ông, chủ nghĩa nhân văn biểu hiện một cách rõ nét, đó là tình thương yêu con người, lòng trắc ẩn của ông đã vượt ra khỏi phạm vi thân tộc, ruột thịt của Khổng Tử để cứu dân binh hai nước thoát khỏi cuộc chiến tranh đẫm máu, thực hiện mục đích “Trung - Việt nhất gia”. Mặt khác, tinh thần cởi mở, chấp nhận các học thuyết ngoài Nho giáo cũng là mặt tiến bộ trong tư tưởng khoan dung của Nguyễn Trãi” (Trần Nguyên Việt, 2012, tr.40).

Thứ ba, dân là cội nguồn tạo thành sức mạnh tâm công. Chiến lược “tâm công” không chỉ vận dụng trong chiến tranh để cảm hóa, tranh thủ tâm lý đối phương mà phải luôn “tùy cơ ứng biến” để vận dụng vào thực tế, nghĩa là còn có thể được vận dụng trong bối cảnh hòa bình với mục đích huy động sức mạnh của nhân dân xây dựng, kiến thiết đất nước dựa trên phương châm “lấy dân làm gốc”.

Nguyễn Trãi là người kế thừa một cách căn bản tư tưởng “dĩ dân vi bang bản” của Nho giáo truyền thống. Nội dung quan niệm lấy dân làm gốc của ông thể hiện cụ thể: a) Người làm vua, làm quan phải biết “kính trời, chăm dân”. Mọi chủ trương chính sách nhà nước phải hợp với lòng dân, xuất phát từ quyền lợi nhân dân và trở về phục vụ mục đích của nhân dân; b) Nhân dân có sức mạnh quyết định đối với sự thành bại của nghiệp vua, bởi “mến người có nhân là dân, chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân”; c) Ý thức cộng đồng và tinh thần đoàn kết dân tộc là thành tố quan trọng trong tư tưởng lấy dân làm gốc. Do vậy, cá nhân, nhóm người, giai cấp nào phát huy được ý thức cộng đồng là tập trung được sức mạnh dân tộc.

Trong *Chiếu về việc làm bài “Hậu tự huấn” để răn bảo thái tử triều Lê*, ông cho rằng, “mến người có nhân là dân, mà chở thuyền và lật thuyền cũng là dân” (Viện Sử học, 1976, tr.202). Luận đề này về sau đã trở thành ngạn ngữ dân gian mà người nói cũng không biết tác giả là ai, điều đó càng thể hiện giá trị thực tiễn, tính thực dụng của câu nói. Dân là những người vô tư, công tâm nhất, họ không tư ái, tư nộ, không thiên vị một ai, ở họ luôn tiềm ẩn sức mạnh vô hình, vừa có thể bảo vệ, nâng đỡ chính quyền, vừa có thể lật đổ nếu chính quyền đó không bảo vệ quyền lợi chung của dân tộc.

Thứ tư, nhân cách cao thượng của tầng lớp quan lại là điểm tựa cho nghệ thuật tâm công trong trị nước an dân. Khi nghiên cứu tiểu sử của Nguyễn Trãi, người đời sau dễ nhận thấy ông là bậc chí nhân quân tử có lối sống và quan niệm nhân sinh tạo nên hệ giá trị (nhân cách) làm điểm tựa cho nghệ thuật tâm công dựa trên “thuyết chính danh” của Nho giáo truyền thống đã được Khổng Tử đề cập đến trong sách *Luận ngữ*. Theo đó thì “Danh bất chính, tắc ngôn bất thuận; ngôn bất thuận, tắc sự bất thành; sự bất thành, tắc lễ nhạc bất hưng; lễ nhạc bất hưng, tắc hình phạt bất trúng; hình phạt bất trúng, tắc dân vô sở thủ túc” (Khổng Tử, 1950, tr.198). Nhìn vào mệnh đề này, độc giả có thể thấy chính Khổng Tử là người đã đặt nền móng cho nghệ thuật tâm công. Ông nói lên quan hệ nhân quả giữa danh và thực, giữa việc làm và lời nói, giữa nhân cách của những người làm vua, làm quan và ảnh hưởng tích cực của nhân cách đó trong cuộc sống và lòng tôn trọng của dân chúng (yếu tố cơ bản quyết định sự thành bại của việc trị nước an dân hay theo ngôn ngữ hiện đại là công tác quản lý xã hội).

Nguyễn Trãi làm quan triều đình mấy chục năm ròng nhưng đến khi về trí sĩ ở núi Côn Sơn vẫn giữ tâm hồn và đạo đức trong sạch với cảnh sống thanh nhã, đạm bạc: “Chôn ở trái gian lều lá/ Mùa qua chằm bức áo sen” (Viện Sử học, 1976, tr.437). Lối sống đã đơn sơ thế, gia cảnh lại còn bần hàn, nghèo túng: “Túi đã không tiền khôn chác rượu/ Vườn tuy có cúc chữa đâm hoa” (Viện Sử học, 1976, tr.450). Tuy sống trong cảnh nghèo nàn, khổn khổ như vậy, song lòng ông vẫn canh cánh khôn nguôi nghĩ về việc nước: “Còn có một lòng âu việc nước/ Đêm đêm thức nhẩn nẻo sơ chung” (Viện Sử học, 1976, tr.418). Giữ được lối sống thanh bạch như vậy vì ông vẫn luôn tâm niệm lời dặn của cổ nhân về chí khí nhà nho: “Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất” để giữ trọn vẹn tâm lòng vàng, lầy đạo trung hiếu làm nền tảng: “Bui có một lòng trung liễn hiếu/ Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen” (Doãn Chính, Bùi Trọng Bắc, 2015, tr.419). Chính lối sống giản dị, đẹp đẽ, cao thượng đó đã làm nên một nhân cách lớn, tạo dựng ưu thế cá nhân để cảm hóa lòng người, mỗi khi họ nghe đến tên ông, nhân dân đều tỏ lòng kính trọng, nghe lời.

3. Giá trị lịch sử và ý nghĩa hiện thời tư tưởng tâm công của Nguyễn Trãi

Tư tưởng tâm công của Nguyễn Trãi không những có ý nghĩa chỉ đạo trực tiếp về chiến lược và chiến thuật cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đầu thế kỷ XV, mà còn có giá trị lịch sử to lớn, ý nghĩa lâu dài đối với các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm của dân tộc về sau, làm phong phú thêm kho tàng nghệ thuật quân sự, chiến tranh nhân dân của một dân tộc vốn phải trải qua không ít cuộc chiến tranh khốc liệt đến từ nhiều phía.

Tiếp thu tư tưởng tâm công của Nguyễn Trãi, bậc hậu sinh Lê Thánh Tông gần bốn mươi năm trị vì đất nước, đã thi hành hàng loạt chính sách cải cách, nhiều lần đích thân đem quân đi dẹp phiến loạn, mở rộng bờ cõi quốc gia Đại Việt về phía nam, nhưng tư tưởng xuyên suốt của ông vẫn là ước vọng hòa bình, xây dựng xã hội trên nền văn học: “Muôn thuở trời Nam sông núi vững/ Chính thời văn trị, dẹp binh nhưng” (Mai Xuân Hải, 1998, tr.207). Làm như thế nào để dẹp hết binh nhưng, cho quân lính về cày ruộng là ước mơ suốt đời của Nguyễn Trãi, đến thời Lê Thánh Tông, ước mơ đó lại được khơi dậy và trở thành một điệp khúc trong những thời đại sau đó, bởi chiến tranh không ai mong muốn, nhưng rút cục nó vẫn cứ đến vào từng thời điểm khác nhau của lịch sử dân tộc.

Những cuộc chiến tranh như vậy đã đến từ phương Tây vào giữa thế kỷ XIX và thế kỷ XX, đòi hỏi nhân dân Việt Nam phải đồng lòng, hiệp sức tiến hành giải phóng dân tộc. Tiếp nhận và phát triển sáng tạo tư tưởng tâm công của Nguyễn Trãi, Hồ Chí Minh luôn tin tưởng vào trí tuệ và sức mạnh của nhân dân trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Người đã viết những lời ca ngợi sức mạnh đoàn kết của nhân dân để khuyến khích động viên, khơi dậy nơi họ tinh thần đoàn kết: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm bè lũ bán nước và cướp nước” (Hồ Chí Minh, 2011, tr.38). Nhờ tin tưởng vào tinh thần đoàn kết của nhân dân mà Hồ Chí Minh đã tập hợp được lực lượng xã hội đông đảo, thu phục nhiều chí sĩ, quan lại của chế độ cũ có tư tưởng trung dung, thậm chí đối lập đi theo cách mạng, đóng góp nhiều tài lực, vật lực cho kháng chiến, kiến quốc.

Thêm vào đó, cuộc đời giản dị, trong sáng, hết lòng vì nhân dân và sự nghiệp phục vụ cách mạng tận tụy của Hồ Chí Minh đã tạo nên một nhân cách lớn, tỏa sáng cả một thời đại, tạo thành một tấm gương sáng để cán bộ, đảng viên, nhân dân noi theo chính là một minh chứng cho nghệ thuật tâm công thời hiện đại.

Tiếp thu tư tưởng Hồ Chí Minh, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn quan tâm đến nghệ thuật tâm công bằng cách phát huy tinh thần khoan dung và đoàn kết dân tộc, chính vì vậy đã tập hợp được đông đảo lực lượng nhân dân không kể họ là ai, thuộc giai cấp nào để tiến hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến. Với phương châm lấy nghệ thuật khoan dung làm bản thể xã hội và giá đỡ tinh thần cho đoàn kết và tạo cơ sở, động lực tập hợp sức mạnh nhân dân, Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, khoan dung để tập hợp, đoàn kết với mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước” (Đảng Cộng Sản Việt Nam, 2016, tr.158).

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đề cao nhiệm vụ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện được nhiệm vụ cao cả này, không có con đường nào khác ngoài phải tạo dựng một xã hội nhân văn, nhân ái, trong đó lấy nhân nghĩa, tình người làm nền tảng. Chính vì vậy mà suốt gần một thế kỷ sau ngày giành độc lập, nhân dân Việt Nam tuy vừa kháng chiến vừa kiến quốc nhưng đã thu được nhiều thành tựu đáng kể hướng tới một xã hội phát triển bền vững, hài hòa giữa mục đích phát triển kinh tế và xây dựng lối sống mới, bảo vệ bản sắc văn hóa, giữ gìn môi trường xã hội lành mạnh, môi trường tự nhiên xanh, sạch, đẹp.

Hiện nay, khi biến đổi khí hậu không còn là nguy cơ mà đã trở thành hiện thực đang gây ra nhiều hệ lụy khôn lường, đặc biệt là lũ lụt tàn phá nhà cửa, mùa màng, đại dịch Covid-19 đang lan rộng toàn cầu thì hơn bao giờ hết, cần phải vận dụng tư tưởng tâm công của Nguyễn Trãi để giải quyết những vấn đề đang gặp phải. Ý thức được điều đó, Đảng Cộng sản Việt Nam một mặt phát động phong trào phê phán quan điểm “tự diễn biến, tự chuyển hóa” của một bộ phận cán bộ đảng viên để nâng cao lối sống lành mạnh của họ làm gương cho lớp trẻ, mặt khác tăng cường nhiệm vụ chống tham nhũng để lấy lại niềm tin trong nhân dân, động viên khuyến khích nhân dân chung tay góp sức vượt qua những khó khăn chung của toàn xã hội.

Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” đã khẳng định: “Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn” (Nguyễn Phú Trọng, 2021, tr.4). Đây là những lời động viên toàn thể nhân dân rất kịp thời, thúc đẩy tinh thần lạc quan cách mạng trong thời điểm hiện nay.

4. Kết luận

Tư tưởng tâm công của Nguyễn Trãi ra đời cách đây hơn nửa thiên niên kỷ, song đến nay vẫn còn nguyên giá trị thời sự, đặc biệt trong bối cảnh khi chiến tranh về cơ bản đã thay đổi bản chất (chiến tranh không có bên thắng, bên thua) và hình thức (từ chiến trường thực địa chuyển sang chiến tranh trên không gian mạng thông qua thế mạnh của dân chủ, công khai

và dư luận xã hội với sự trợ giúp của công nghệ thông tin) thì nghệ thuật tâm công với sức mạnh của “quyền lực mềm” càng trở nên có ý nghĩa thực tiễn. Trong một bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước phức tạp như vậy, chúng ta không thể không nhắc đến nghệ thuật cảm hóa lòng người của vị quân sư Nguyễn Trãi với những câu thơ đã đi vào lòng người: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân/ Quân điếu phạt, trước lo trừ bạo”, “Phúc chu thủy, tín dân do thủy”, “Ngõ ốc nhùng khiêm là mỹ đức/ Đồi co ai dễ kém chi ai”, khơi dậy lòng khoan dung nhân ái, tạo dựng tinh thần đoàn kết để cùng nhau xây dựng đất nước.

Trong bối cảnh của xã hội hiện đại, tìm lại tư tưởng của Nguyễn Trãi nói chung, tư tưởng tâm công của ông nói riêng, giúp cho ta hiểu thêm về lịch sử và rút ra được những bài học cần thiết cho hiện tại, góp phần xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Doãn Chính, Bùi Trọng Bắc (2015), *Góp phần tìm hiểu tư tưởng triết học Nguyễn Trãi*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Mai Xuân Hải (1998), *Lê Thánh Tông - thơ văn và cuộc đời*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
3. *Hồ Chí Minh toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2011, Hà Nội.
4. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Phan Ngọc (2002), *Bản sắc văn hoá Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.
6. Lê Công Sự (2013), “Ngôn ngữ với tư cách là phương tiện của quyền lực mềm”, Tạp chí *Khoa học Ngoại ngữ*, số 38.
7. Hà Thành (2017), “Nghệ thuật tâm công trong tư tưởng Nguyễn Trãi”, <http://tapchiquptd.vn/vi/tim-hieu-truyen-thong-quan-su/nghe-thuat-tam-cong-trong-tu-tuong-quan-su-cua-nguyen-trai/10633.html>, truy cập ngày 25/5/2021.
8. Nguyễn Phú Trọng, “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, <https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-chu-nghia-xa-hoi-va-con-duong-di-len-chu-nghia-xa-hoi-o-viet-nam-646305/>, truy cập ngày 20/6/2021.
9. Khổng Tử (1950), *Luận Ngữ* (bản dịch của Đoàn Trung Còn), Nxb Trí Đức, Sài Gòn.
10. Lão Tử (1998), *Đạo đức kinh* (bản dịch của Nguyễn Duy Cần), Nxb Văn học, Hà Nội.
11. Nguyễn Minh Tường (2003), *Nguyễn Trãi - Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
12. Trần Nguyên Việt (2012), “Tư tưởng khoan dung của Khổng Tử và sự thể hiện của nó ở Nguyễn Trãi”, Tạp chí *Triết học*, số 2.
13. Viện Sử học (1976), *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Viện Sử học (2013), *Đại việt sử ký toàn thư*, Nxb Thời đại, Hà Nội.